

INCOTERMS 2000

Cơ sở giao hàng quốc tế của ICC

INCOTERMS 2000

- Khái niệm, mục đích và phạm vi áp dụng INCOTERMS
- Nội dung INCOTERMS
- Biến dạng Incoterms
- Lưu ý khi sử dụng Incoterms

KHÁI NIỆM

INCOTERMS (International Commercial Terms) là bộ quy tắc quốc tế giải thích về các điều kiện thương mại thông dụng nhất trong ngoại thương

INCOTERMS do phòng Thương mại Quốc tế (ICC) phát hành, được xuất bản đầu tiên vào năm 1936, qua nhiều lần bổ sung sửa đổi đến nay là ấn bản năm 2000, được sử dụng rộng rãi ở hầu hết các nước tham gia vào hoạt động XNK hàng hóa quốc tế.

Mục đích của INCOTERMS

Giải thích các điều kiện thương mại liên quan đến việc giao nhận hàng hóa giữa bên bán và bên mua, nhằm hạn chế những hiểu nhầm, tranh chấp, kiện tụng phát sinh do sự khác biệt trong tập quán thương mại giữa các nước khác nhau trong mua bán hàng hóa quốc tế.

Phạm vi áp dụng INCOTERMS

- Quy định quyền hạn và nghĩa vụ giữa hai bên ký hợp đồng mua bán hàng hóa liên quan đến việc giao nhận hàng hóa hữu hình.*
- Incoterms chỉ giải quyết mối quan hệ giữa người mua và người bán theo hợp đồng mua bán hàng hóa, không áp dụng cho hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bảo hiểm...
- Incoterms luôn luôn và chủ yếu được sử dụng trong mua bán HH quốc tế.

Không quy định:

- Chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa và các quyền về tài sản khác được quy định trong hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Sự vi phạm hợp đồng; hậu quả của sự vi phạm hợp đồng; miễn trừ trách nhiệm trong những trường hợp nhất định



Không thể thay thế tất cả các điều kiện và điều khoản được quy định trong HĐMBHH quốc tế

Lưu ý khi áp dụng INCOTERMS

- Hiện nay, hầu hết các nước đều áp dụng Incoterms 2000 và Incoterms 1990. Khi ký kết HĐMBHH cần phải ghi rõ áp dụng Incoterms ấn bản năm mấy.
- Trong HĐMBHH thỏa thuận áp dụng ấn bản Incoterms nào thì phải áp dụng ấn bản đó cho các hợp đồng khác như hợp đồng vận tải, hợp đồng bảo hiểm.*

QUY ĐỊNH CỦA INCOTERMS

- Phân chia nghĩa vụ của bên bán và bên mua về việc giao nhận hàng hóa. *
- Phân chia rủi ro về hàng hóa giữa bên bán và bên mua trong việc chuyển giao hàng hóa.
- Phân chia chi phí giao hàng giữa bên bán và bên mua. *

Phân chia nghĩa vụ giữa các bên mang tính đối ứng

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BÁN		NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI MUA	
A1	Cung cấp HH theo HĐMBHH	B1	Trả tiền hàng
A2	Các giấy phép & các thủ tục XNK	B2	Các giấy phép & các thủ tục XNK
A3	Hợp đồng vận tải & bảo hiểm	B3	Hợp đồng vận tải & bảo hiểm
A4	Giao hàng	B4	Nhận hàng
A5	Chuyển các rủi ro	B5	Chuyển các rủi ro
A6	Phân chia chi phí	B6	Phân chia chi phí
A7	Thông báo cho người mua	B7	Thông báo cho người bán
A8	Bằng chứng giao hàng, chứng từ vận tải hoặc thông báo điện tử tương đương	B8	Bằng chứng giao hàng, chứng to vận tải hoặc thông báo điện tử tương đương
A9	Đóng gói, kiểm tra bao bì, ký mã hiệu	B9	Kiểm định trước khi gửi hàng
A10	Nghĩa vụ khác	B10	Nghĩa vụ khác

Phân chia chi phí giao nhận HH

BỐN LOẠI CHI PHÍ CHÍNH

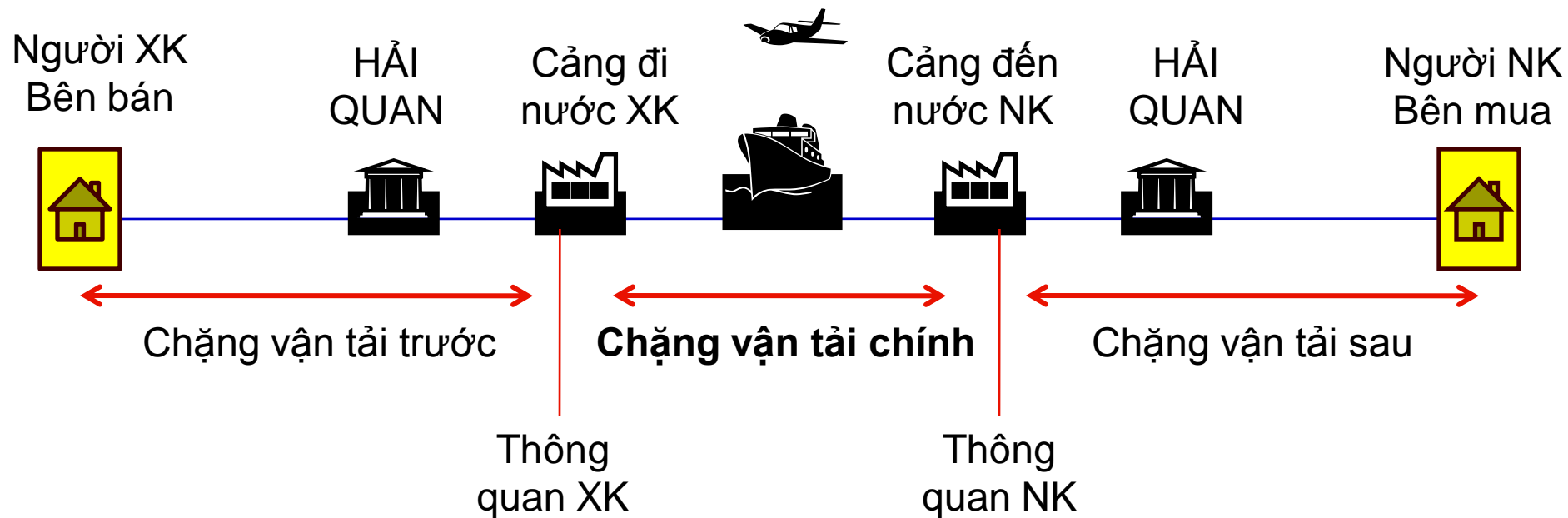
CHI PHÍ
VỀ VẬN
TẢI VÀ
GIAO
NHẬN
HÀNG
HÓA. *
—

CHI PHÍ
THÔNG
QUAN
XUẤT VÀ
KHẬP
KHẨU *
—

CHI PHÍ
BẢO
HIỂM

CHI PHÍ
PHÍ DỊCH
VỤ VÀ HỖ
TRỢ *
—

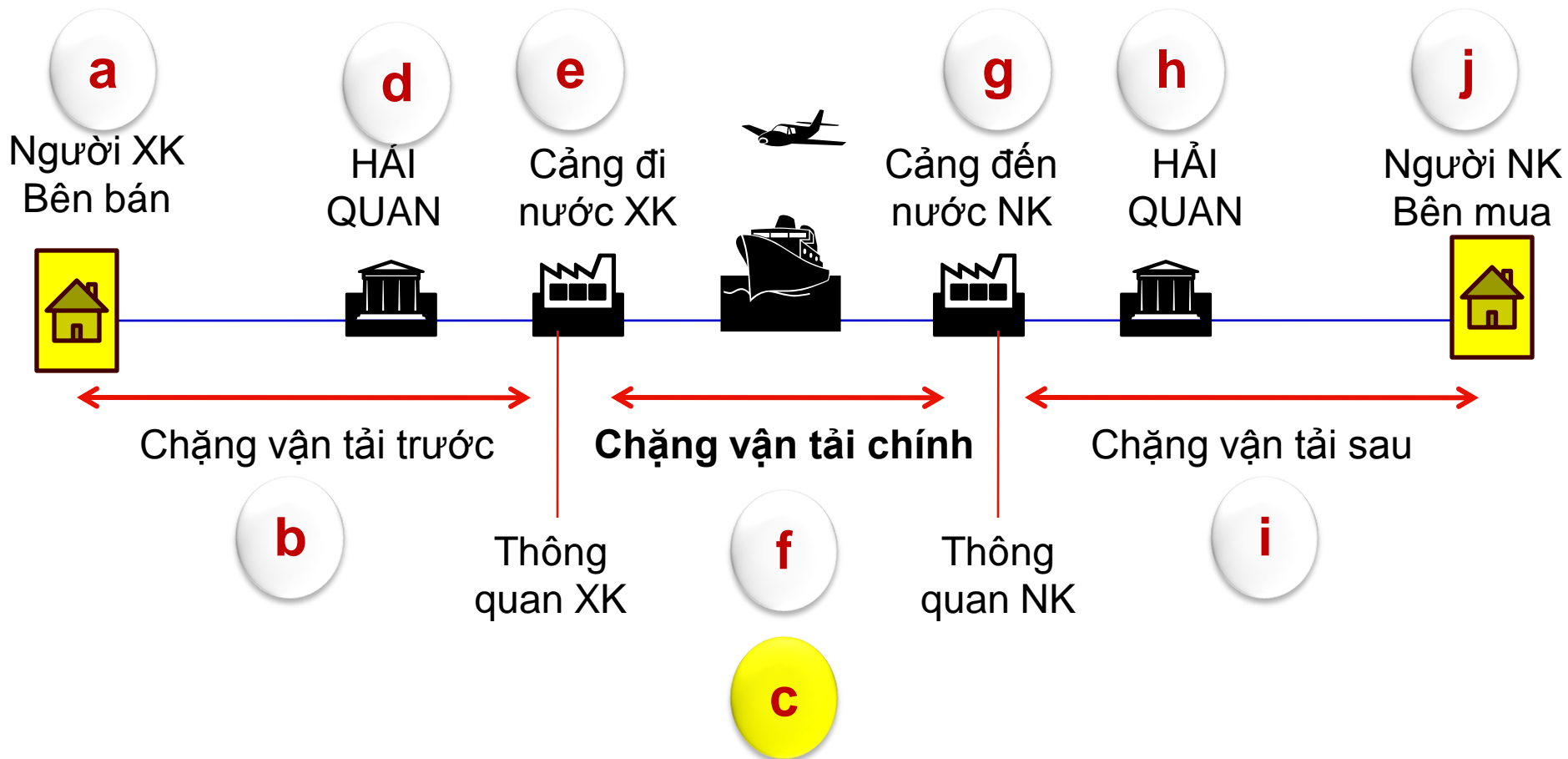
LỘ TRÌNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA



CHI PHÍ VỀ VẬN TẢI VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA

- a) Xếp hàng tại cơ sở người bán
- b) Vận tải nội địa tại nước XK hàng hóa (vận tải chặng trước tại nước XK).
- c) Ký hợp đồng vận tải (đặt chỗ trước để gửi hàng và lấy chứng từ vận tải tương ứng)
- d) Đưa hàng vào lưu kho, lưu bãi, làm hàng trong khi chờ gửi hàng.
- e) Chi phí bốc xếp hàng vào Phương tiện vận chuyển
- f) Cước vận tải quốc tế hàng chặng chính
- g) Chi phí dỡ hàng tại nước nhập khẩu
- h) Chi phí lưu kho, lưu bãi tại nước nhập khẩu
- i) Vận tải chặng cuối ở nước NK.
- j) Phí dỡ hàng tại cơ sở, kho người mua.

CHI PHÍ VẬN CHUYỂN CHÍNH



CHI PHÍ THÔNG QUAN XUẤT VÀ KHẠP KHẨU

- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế GTGT và một số loại thuế khác.
- Lệ phí hải quan và các khoản tiền phải trả chính thức khác.
- Chi phí cho người giao nhận (nếu có).
- Chi phí cấp giấy phép XK, giấy phép NK, giấy chứng nhận trọng lượng, chất lượng, hóa đơn lãnh sự, chi phí quota (nếu có).
- Phí giám định hàng, lưu kho hải quan...

CHI PHÍ PHÍ DỊCH VỤ VÀ HỖ TRỢ

- Phí dịch vụ hỗ trợ khai quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

VD:

- Người bán hỗ trợ người mua khai hải quan XK hàng hóa trong trường hợp EXW.
- Người mua hỗ trợ người bán khai hải quan hàng NK đối với điều kiện DDP.

NỘI DUNG INCOTERMS 2000

13
ĐIỀU
KIỆN
TMQT

E

EXW

F

FCA

FAS

FOB

C

CFR

CIF

CPT

CIP

D

DAF

DES

DEQ

DDU

DDP

Bài tập 1

Từ nội dung 13 điều kiện cơ sở giao hàng trong Incoterms 2000, bạn hãy:

- Xác định điểm chuyển giao hàng hóa từ người bán sang người mua.
- Xác định điểm chuyển rủi ro về hàng hóa từ người bán sang người mua
- Xác định những chi phí nào trong bảng dưới đây người bán phải chịu, người mua phải chịu trong quá trình vận chuyển hàng từ kho người bán đến kho người mua.
- Người bán hay người mua có trách nhiệm ký hợp đồng vận tải, hợp đồng bảo hiểm với chi phí của mình.

Bài tập 1

- Xếp hàng tại cơ sở người bán
- Vận tải nội địa tại nước XK hàng hóa (vận tải chặng trước tại nước XK).
- Ký hợp đồng vận tải (đặt chỗ trước để gửi hàng và lấy chứng từ vận tải tương ứng)
- Đưa hàng vào lưu kho, lưu bãi, làm hàng trong khi chờ gửi hàng.
- Chi phí bốc xếp hàng vào Phương tiện vận chuyển
- Cước vận tải quốc tế hàng chặng chính
- Chi phí dỡ hàng tại nước nhập khẩu
- Chi phí lưu kho, lưu bãi tại nước nhập khẩu
- Vận tải chặng cuối ở nước NK.
- Phí dỡ hàng tại cơ sở, kho người mua.

- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế GTGT và một số loại thuế khác.
- Lệ phí hải quan và các khoản tiền phải trả chính thức khác.
- Chi phí cho người giao nhận làm thủ tục HQ.
- Chi phí cấp giấy phép XK, giấy phép NK.
- Phí giám định hàng tại nước XK, NK, lưu kho HQ... (nếu có).

Phí bảo hiểm

Bài tập 2

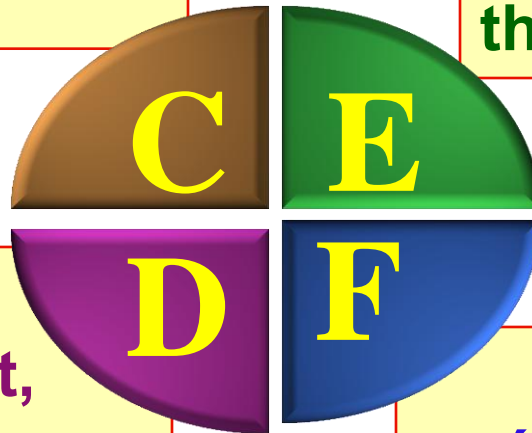
Trong 13 điều kiện TPQT trong Incoterms 2000, những điều kiện nào có đặc điểm sau:

- Trách nhiệm của người bán đối với hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng là ít nhất và ngược lại, trách nhiệm của người bán đối với HH là nhiều nhất.
- Người bán trả cước phí vận tải chính, và ngược lại người mua trả cước phí vận tải chính.
- Điểm chuyển rủi ro tại nước XK.
- Điểm chuyển rủi ro tại nước NK.

ĐẶC ĐIỂM CỦA 4 NHÓM

- Người bán trả cước phí vận tải chính
- Điểm chuyển rủi ro tại nước XK

- Người bán giao hàng tại xưởng /kho của mình
- Người bán chịu chi phí ít nhất, nên giá bán cũng thấp nhất



- Người bán chịu nhiều chi phí nhất, nên giá bán cũng cao nhất.
- Điểm chuyển rủi ro tại điểm đích quy định ở nước NK

- Người bán không trả cước phí vận tải chính.

LỘ TRÌNH VẬN CHUYỂN HÀNG TỪ NGƯỜI BÁN ĐẾN NGƯỜI MUA



- Green bar** : Người bán lo chứng từ
- Red bar** : Người bán chịu rủi ro về hàng hóa
- Blue bar** : Người bán chịu chi phí
- Purple bar** : Người bán mua bảo hiểm cho hàng

EXW (Ex-Works)-Giao tại xưởng



NGƯỜI BÁN

Giao hàng tại xưởng, nhà máy, kho hàng của người bán

Không xếp hàng lên bất kỳ PTVT thu gom nào

NGƯỜI MUA

Chịu mọi chi phí và rủi ro liên quan đến hàng hóa từ khi nhận hàng hóa từ cơ sở của người bán

Nếu người mua không thể thực hiện thủ tục xuất khẩu, nên chuyển sang dùng điều kiện FCA

FCA (Free Carrier)-Giao cho người vận tải



Người bán :

- ☞ Giao hàng cho người vận tải (hoặc người giao nhận) do người mua chỉ định.
- ☞ Thông quan hàng xuất khẩu.
- ☞ Dùng cho vận tải đa phương thức

FAS (Free alongside ship)-Giao dọc mạng tàu



Người bán :

- ☞ Giao hàng dọc mạng tàu tại cảng XK.
- ☞ Người bán làm thủ tục và thông quan XK
- ☞ Chỉ dùng trong vận tải đường biển

FOB (Free on board)-Giao lên tàu



Người bán :

- ☞ Giao hàng qua khỏi lan can tàu tại cảng XK, là đường phân chia trách nhiệm, rủi ro và chi phí .
- ☞ Người bán làm thủ tục và thông quan XK
- ☞ Chỉ dùng trong vận tải đường biển hoặc vận tải đường thủy nội địa.
- ☞ Được sử dụng phổ biến trong kinh doanh XNK HH

CFR (Cost and Freight)-tiền hàng và cước phí



Người bán :

- ☞ Giao hàng qua khỏi lan can tàu tại cảng XK, là đường phân chia trách nhiệm, rủi ro về hàng hóa
- ☞ Ký HĐVT với chi phí của mình.
- ☞ Người bán làm thủ tục và thông quan XK
- ☞ Chỉ dùng trong vận tải đường biển hoặc vận tải đường thủy nội địa.

CIF (Cost, Insurance and Freight)-tiền hàng, phí bảo hiểm và cước phí



Người bán :

- ☞ Giao hàng qua khởi lan can tàu tại cảng XK, là đường phân chia trách nhiệm, rủi ro về hàng hóa
- ☞ Ký HĐVT và HDBH với mức bảo hiểm tối thiểu với chi phí của mình.
- ☞ Người bán làm thủ tục và thông quan XK
- ☞ Chỉ dùng trong vận tải đường biển hoặc vận tải đường thủy nội địa.

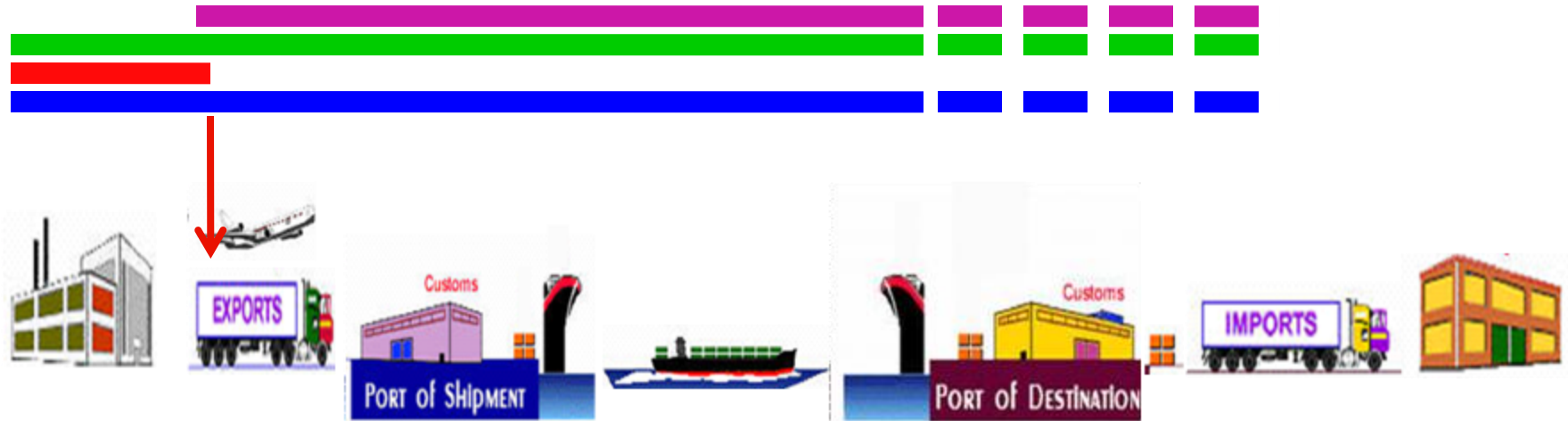
CPT (Carriage paid to)-cước phí trả tới



Người bán :

- ☞ Giao hàng cho người vận tải do người bán chỉ định
- ☞ Ký HĐVT với chi phí của mình.
- ☞ Người bán làm thủ tục và thông quan XK
- ☞ Dừng trong VTĐPT

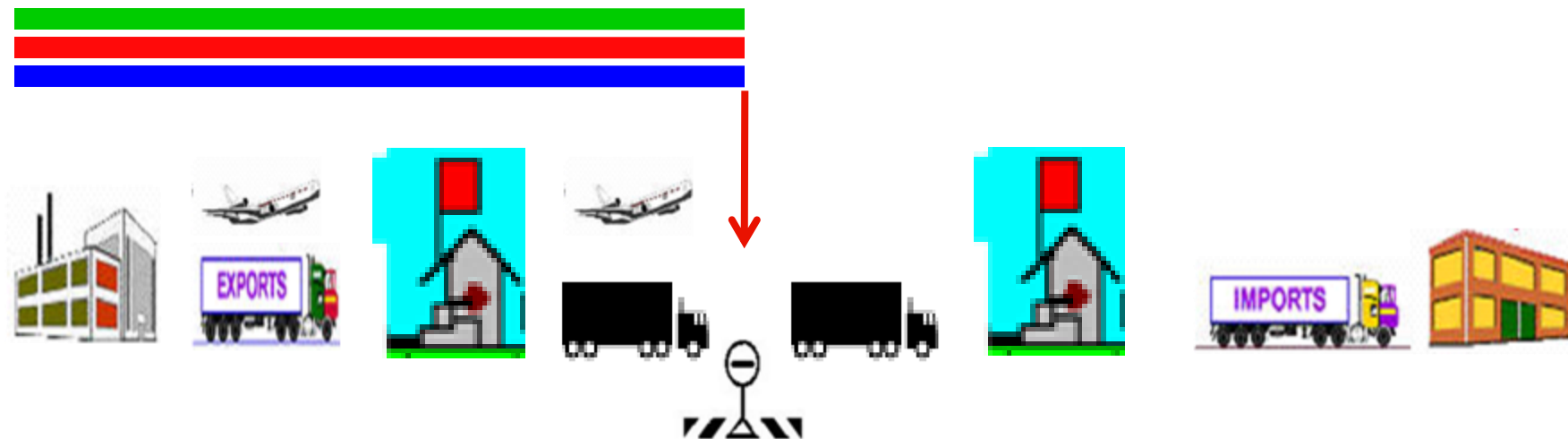
CIP (Carriage & Insurance paid to))- cước phí và phí bảo hiểm trả tới



Người bán :

- ☞ Giao hàng cho người vận tải do người bán chỉ định
- ☞ Ký HĐVT và HDBH với mức bảo hiểm tối thiểu với chi phí của mình.
- ☞ Người bán làm thủ tục và thông quan XK
- ☞ Dùng cho VTĐPT

DAF (Delivered at frontier)-giao hàng tại biên giới



- Người bán :**
- ☞ Giao hàng cho người mua tại biên giới (không nghĩa vụ dỡ hàng xuống PTVT chở hàng đến)
 - ☞ 10 nghĩa vụ tương tự FOB, thêm ký HĐVT đưa hàng đến địa điểm giao tại biên giới
 - ☞ Dùng trong VTĐPT khi hàng giao tại biên giới trên bộ.

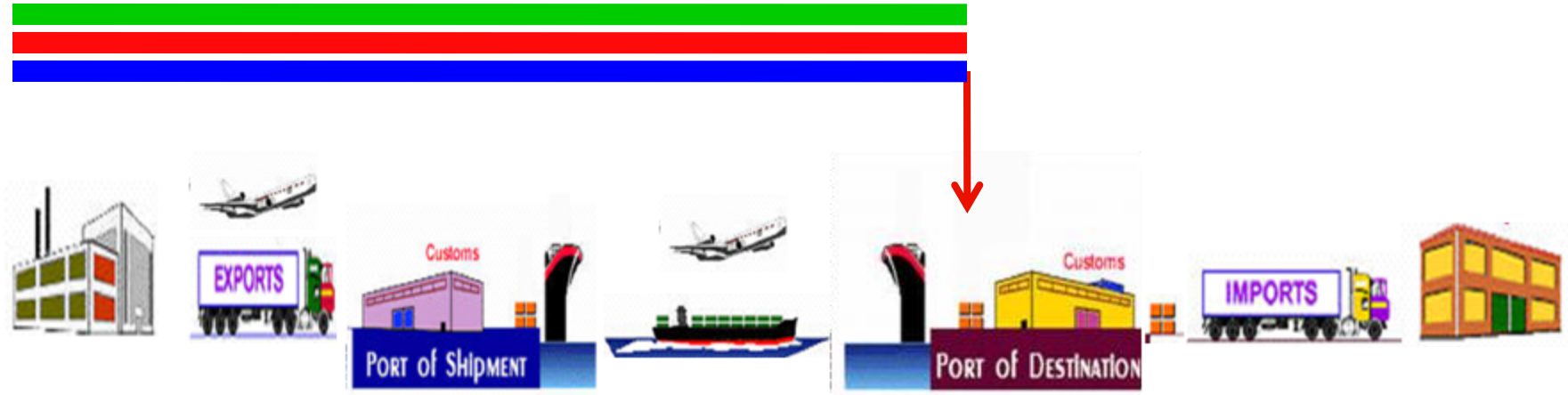
DES (Delivered ex ship)-giao tại tàu



Người bán :

- ☞ Giao hàng cho người mua trên tàu tại cảng đến, không chịu phí tổn và rủi ro dỡ hàng xuống tàu tại cảng đến.
- ☞ 10 nghĩa vụ tương tự FOB, thêm ký HĐVT với chi phí của mình
- ☞ Dùng trong VTĐPT trên tàu tại cảng đến

DEQ (Delivered ex Quay)-giao tại cầu cảng



- Người bán :**
- ☞ Giao hàng cho người mua tại cầu cảng tại cảng đến.
 - ☞ 10 nghĩa vụ giống DES, thêm nghĩa vụ dỡ hàng xuống tàu đặt tại cầu cảng giao cho người mua.
 - ☞ Dùng trong vận tải đường biển

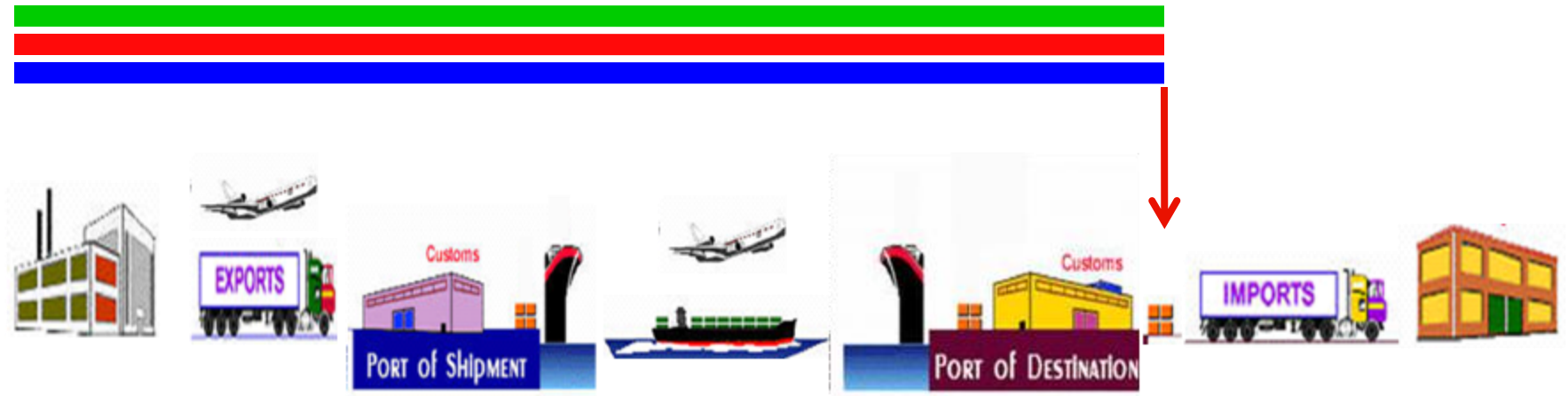
DDU (Delivered duty unpaid)-giao hàng chưa trả thuế



Người bán :

- ☞ Giao hàng cho người tại nơi đến quy định sau khi thông quan NK.
- ☞ 10 nghĩa vụ giống DEQ, nghĩa vụ người bán kết thúc khi hàng được giao cho người mua tại nơi đến quy định.
- ☞ Dùng trong VTĐPT.

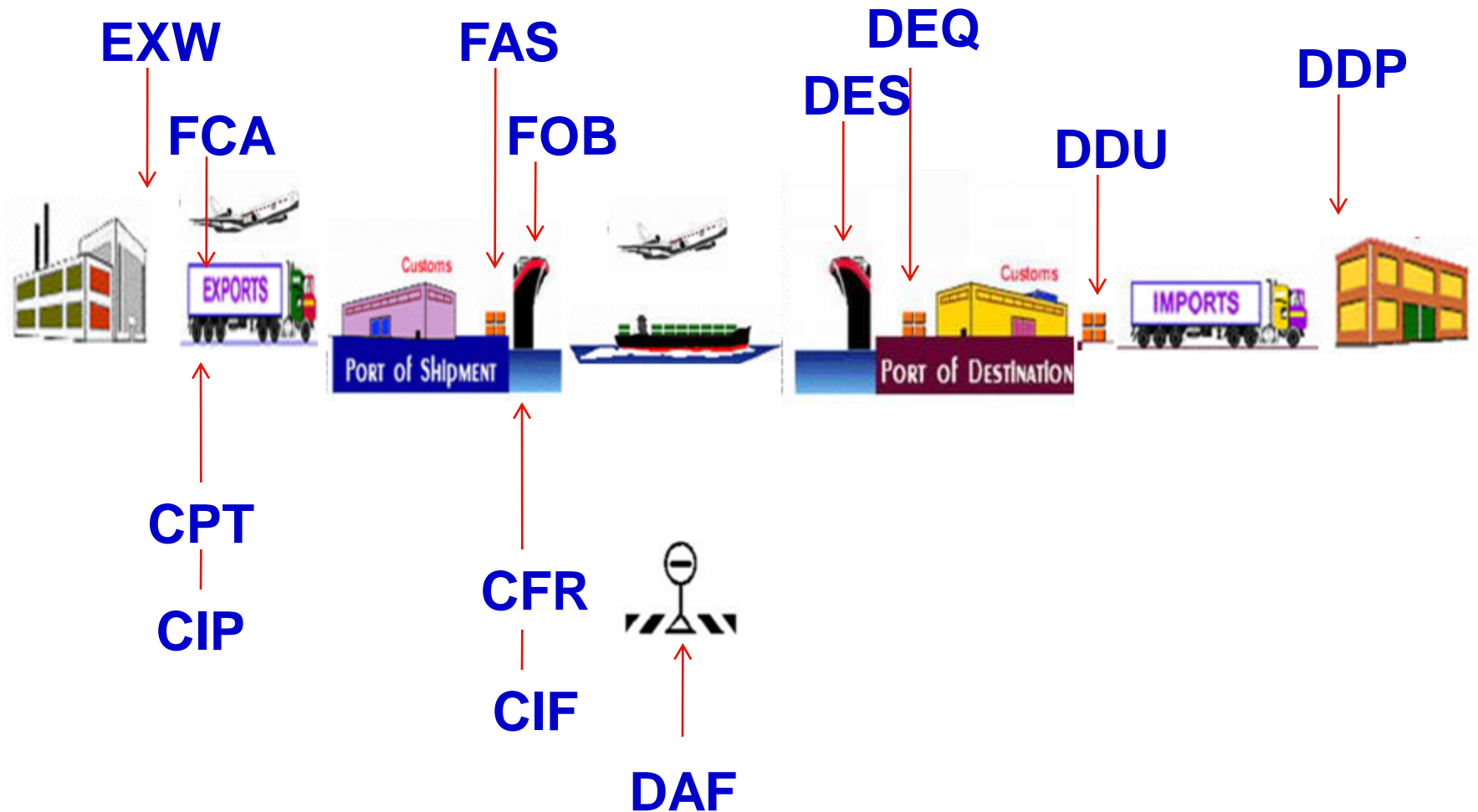
DDP (Delivered duty paid)-giao hàng đã trả thuế



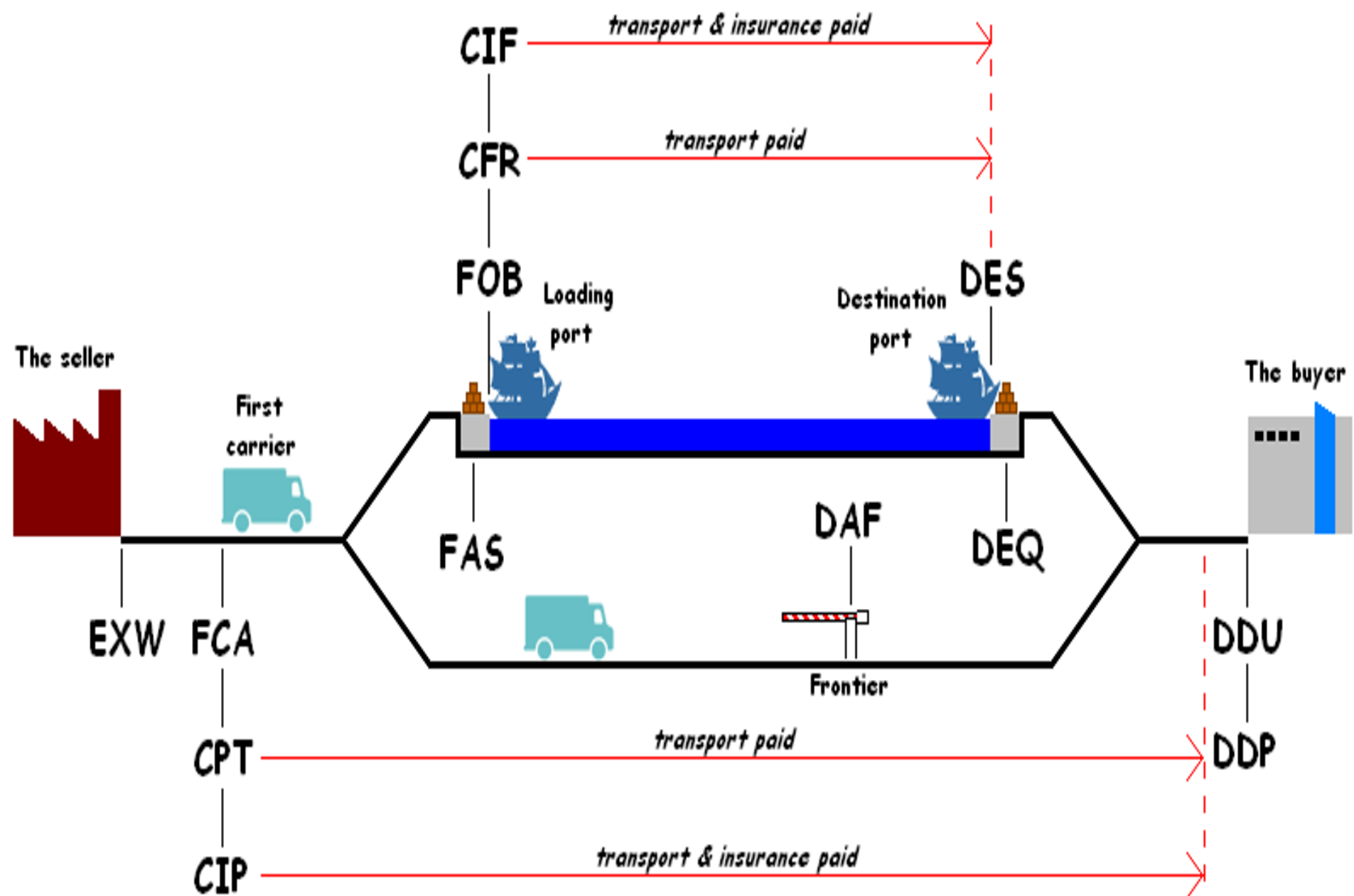
Người bán :

- ☞ Giao hàng cho người tại nơi đến quy định, không dỡ hàng từ PTVT chở đến .
- ☞ 10 nghĩa vụ giống DDU, thêm chịu rủi ro và phí thông quan NK.
- ☞ Dùng trong VTĐPT.

ĐIỂM GIAO HÀNG CỦA NGƯỜI BÁN



Incoterms 2000: Transfer of risk from the seller to the buyer

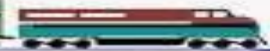




SELLER — Export-Trader, Consignor



EXPORTS EXPORTS
EXPORTS EXPORTS



EXPORTS



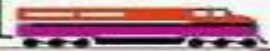
PORT OF SHIPMENT



PORT OF DESTINATION



IMPORTS IMPORTS
IMPORTS IMPORTS



BUYER —
Importer, Consignee

IMPORTS



Phân chia Chi phí	FAS	FOB	CFR	CIF	DES	DEQ
Bốc hàng tại cơ sở người bán	S	S	S	S	S	S
Vận chuyển trong nước XK	S	S	S	S	S	S
HĐ vận chuyển và dỡ hàng	S	S	S	S	S	B
Chứng từ TM tại nước XK	S	S	S	S	S	S
Khai báo hải quan XK	S	S	S	S	S	S
Chi phí XK	S	S	S	S	S	S
Chuyển hàng ở TERMINAL	S	S	S	S	B	B
Phụ tùng, thiết bị vận tải	S	S	S	S	B	B
Bảo hiểm hàng hóa				S		
Cước vận tải chính	S	S	S	S	B	B
Chuyển hàng ở terminal tại cảng	S	B	S	S	B	B
Chứng từ TM tại nước NK	B	B	B	B	B	B
Khai hải quan NK	B	B	B	B	B	B
Chi phí nhập khẩu	B	B	B	B	B	B
Vận chuyển nội địa nước NK	B	B	B	B	B	B
Dỡ hàng tại cơ sở người mua	B	B	B	B	B	B
Chi phí khác (ngoài Incoterms)	Theo thỏa thuận của các bên					

Phân chia chi phí CPT	Frontier nước XK	Frontier nước NK	Terminal nước NK	Cơ sở buyer
Bốc hàng tại cơ sở người bán	S	S	S	S
Vận chuyển trong nước XK	S	S	S	S
HD vận chuyển và dỡ hàng	S	S	S	S
Chứng từ TM tại nước XK	S	S	S	S
Khai báo hải quan XK	S	S	S	S
Chi phí XK	S	S	S	S
Chuyển hàng ở terminal (XK)	S	S	S	S
Phụ tùng, thiết bị vận tải	S	S	S	S
Bảo hiểm hàng hóa				
Cước vận tải chính	S&B	S&B	S	S
Chuyển hàng ở terminal (NK)	B	B	S	S
Chứng từ TM tại nước NK	B	B	B	B
Khai hải quan NK	B	B	B	B
Chi phí nhập khẩu	B	B	B	B
Vận chuyển nội địa nước NK	B	B	B	S
Dỡ hàng tại cơ sở người mua	B	B	B	B
Chi phí khác (ngoài Incoterms)	Theo thỏa thuận của các bên			

Phân chia chi phí CIP	Frontier nước XK	Frontier nước NK	Terminal nước NK	Cơ sở buyer
Bốc hàng tại cơ sở người bán	S	S	S	S
Vận chuyển trong nước XK	S	S	S	S
HD vận chuyển và dỡ hàng	S	S	S	S
Chứng từ TM tại nước XK	S	S	S	S
Khai báo hải quan XK	S	S	S	S
Chi phí XK	S	S	S	S
Chuyển hàng ở terminal (XK)	S	S	S	S
Phụ tùng, thiết bị vận tải	S	S	S	S
Bảo hiểm hàng hóa	S	S	S	S
Cước vận tải chính	S&B	S&B	S	S
Chuyển hàng ở terminal (NK)	B	B	S	S
Chứng từ TM tại nước NK	B	B	B	B
Khai hải quan NK	B	B	B	B
Chi phí nhập khẩu	B	B	B	B
Vận chuyển nội địa nước NK	B	B	B	S
Dỡ hàng tại cơ sở người mua	B	B	B	B
Chi phí khác (ngoài Incoterms)	Theo thỏa thuận của các bên			

Phân chia chi phí	EXW	FCA (Cơ sở seller)	FCA (terminal nước XK)	DAF
Bốc hàng tại cơ sở người bán	B	S	S	S
Vận chuyển trong nước XK	B	B	S	S
HĐ vận chuyển và gửi hàng	B	S	S	S
Chứng từ TM tại nước XK	B	S	S	S
Khai báo hải quan XK	B	S	S	S
Chi phí XK	B	S	S	S
Chuyển hàng ở terminal (XK)	B	B	B	S
Phụ tùng, thiết bị vận tải	B	B	B	S
Bảo hiểm hàng hóa				
Cước vận tải chính	B	B	B	S
Chuyển hàng ở terminal (NK)	B	B	B	S
Chứng từ TM tại nước NK	B	B	B	B
Khai hải quan NK	B	B	B	B
Chi phí nhập khẩu	B	B	B	B
Vận chuyển nội địa nước NK	B	B	B	B
Dỡ hàng tại cơ sở người mua	B	B	B	B
Chi phí khác (ngoài Incoterms)	Theo thỏa thuận của các bên			

Phân chia chi phí	DDU cơ sở buyer	DDU Terminal NK	DDP terminal NK	DDP cơ sở buyer
Bốc hàng tại cơ sở người bán	S	S	S	S
Vận chuyển trong nước XK	S	S	S	S
HĐ vận chuyển và gửi hàng	S	S	S	S
Chứng từ TM tại nước XK	S	S	S	S
Khai báo hải quan XK	S	S	S	S
Chi phí XK	S	S	S	S
Chuyển hàng ở terminal (XK)	S	S	S	S
Phụ tùng, thiết bị vận tải	S	S	S	S
Bảo hiểm hàng hóa				
Cước vận tải chính	S	S	S	S
Chuyển hàng ở terminal (NK)	S	S	S	S
Chứng từ TM tại nước NK	B	B	S	S
Khai hải quan NK	B	B	S	S
Chi phí nhập khẩu	B	B	S	S
Vận chuyển nội địa nước NK	S	B	B	S
Dỡ hàng tại cơ sở người mua	B	B	B	B
Chi phí khác (ngoài	Theo thỏa thuận của các bên			

So sánh các điều kiện trong incoterms 2000

So sánh FOB với CFR và CIF

Giống nhau

- Điểm chuyển rủi ro từ người bán sang người mua là lan can tàu tại cảng đi (XK).
- Người bán làm thủ tục XK với chi phí của mình
- Người bán chịu chi phí vận tải chặng trước
- Chịu phí bốc hàng lên tàu

Khác nhau

CFR= FOB+F (cước vận tải chặng chính)

CIF = FOB+F+I (phí bảo hiểm HH)

I = CIF*R (Tỉ lệ phí bảo hiểm)

CIF=(FOB+F)/(1-R)

So sánh các điều kiện trong incoterms 2000

So sánh các điều kiện trong nhóm C

- *Giống nhau*

Điểm chuyển rủi ro về HH từ người bán sang người mua tại nước xuất khẩu

Người bán thông quan XK với chi phí của mình.

Người bán chịu phí vận tải chẵn trước và chẵn chính

- *Khác nhau*

$CIF = CFR + I$ (phí bảo hiểm HH)

$I = CIF * R$ (Tỉ lệ phí bảo hiểm)

$CFR = CIF(1 - R)$

$CPT = CFR + F1$ (cước vận chuyển từ cảng dỡ hàng đến vị trí nhận hàng do người bán chỉ định tại nước NK)

$CIP = CPT + I1$ (phí bảo hiểm HH từ cảng dỡ hàng đến nơi nhận hàng theo chỉ định của người bán)

So sánh các điều kiện trong nhóm C

- Trách nhiệm người bán tăng dần:

CFR ----->>> CIF----->>> CPT----->>> CIP

- CIF, CFR chỉ áp dụng trong vận chuyển đường thủy
- CPT,CIP: VTĐPT

Bài tập

So sánh giá khi ký hợp đồng xuất nhập khẩu.

Doanh nghiệp VN xuất khẩu chào các giá khác nhau xuất hàng sang Mỹ như sau :

EXW Đà Lạt: 275 USD/ton

FOB Sài Gòn: 320 USD/ton

CIF New York: 450 USD/ton

Biết :

- Phí xuất khẩu bằng 0%
- Lệ phí hải quan 5 USD/ton
- Chi phí bốc hàng từ cơ sở + phí vận chuyển đến cảng + phí bốc hàng lên tàu là 55USD/ton
- Chi phí vận chuyển từ cảng Sài Gòn đến New York Mỹ là 100 USD tấn. Biết $R=0.2\%$. Hỏi doanh nghiệp Mỹ chọn giá nào?

Biến dạng INCOTERMS

FOB có thêm điều kiện phụ	Nghĩa vụ người Bán
FOB Liner terms (FOB berth terms)	Người bán không trả phí xếp hàng
FOB under tackle (FOB giao hàng dưới cần cẩu)	Người bán đưa hàng đến cầu móc, người mua chịu chi phí cầu hàng Rủi ro được phân chia tại điểm cầu hàng
FOB Stowed-FOB.S	Người bán xếp hàng vào khoang và chịu chi phí
FOB Trimmed-FOB.T	Người bán dọn khoang tàu và chịu chi phí
FOB.ST	Người bán dọn khoang và xếp hàng trong khoang. Phân chia rủi ro khi xếp xong hàng trong khoang.
FOB Shipment to destination (FOB giao hàng ở cảng đến)	Người bán thuê tàu giúp người mua và chở hàng đến cảng đến. Rủi ro và chi phí người mua chịu.

Biến dạng INCOTERMS

CFR có thêm điều kiện phụ	Nghĩa vụ bổ sung
CFR Liner terms	Người bán không trả phí xếp hàng
CFR Land ed (CFR dỡ hàng lên bờ)	Người bán chịu chi phí dỡ hàng lên bờ, bao gồm cả chi phí nâng hàng và thủ tục ở cảng đến.
CFR Quay (CFR dỡ hàng lên cầu cảng)	Người bán chịu chi phí dỡ hàng lên cầu cảng

Biến dạng INCOTERMS

CIF và điều kiện phụ thêm	Nghĩa vụ bổ sung
CIF Liner terms	Người mua không trả phí dỡ hàng
CIF Landed (CIF dỡ hàng lên bờ)	Người bán chịu chi phí dỡ hàng lên bờ, kể cả chi phí nâng hàng và thủ tục ở cảng đến.
CIF Quay (CIF dỡ hàng lên cầu cảng)	Người bán chịu chi phí dỡ hàng lên cầu cảng
CIF and c (CIF.c), (c= commission)	Giá CIF cộng thêm hoa hồng trung gian ở nước xuất
CIF and I (CIF.i), (i= interest)	Giá CIF cộng lãi suất chiết khấu cho người bán
CIF.c and i	Giá CIF cộng c & i
CIF.e, (e= exchange)	Giá CIF cộng chi phí xác nhận chuyển đổi tiền nước nhập thành tiền nước xuất.

Biến dạng INCOTERMS

CIF và điều kiện phụ thêm	Nghĩa vụ bổ sung
CIF and w (CIF and war risk)	CIF cộng phí bảo hiểm chiến tranh
CIF and WA (CIF with Parti.Average)	CIF cộng phí bảo hiểm có tổn thất riêng
CIF under ship's tackle (CIF dưới cần câu của tàu ở cảng đến)	Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi hàng móc vào cần ở cảng đến
CIF afloat (CIF hàng nổi)	Hàng đã ở trên tàu ngay khi hợp đồng được ký.
CIF and c (CIF.c), (c= commission)	Gía CIF cộng chi phí dỡ hàng lên bờ và thuế NK.

HẾT CHƯƠNG II